**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM 2022-2023**

**MÔN: TOÁN 7- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | Chủ đề | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| 1 | Số thực (Tỉ lệ thức và đại lượng tỉ lệ) | Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau.Giải toán về đại lượng tỉ lệ. | TN1 |  |  |  |  | 1 đ (TL1) |  |  | **12,5%** |
| 2 | Biểu thức đại số (Biểu thức đại số và đa thức một biến) | Biểu thức đại sốĐa thức một biến | TN2 | 0,5 đTL2b | TN 3 | 1 đTL 2a |  |  |  |  | **20%** |
| 3 | Một số yếu tố về xác suất. (Làm quen với biến cố và xác suất của một biến cố) | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. | TN 5 | 1 đTL3 | TN 4 |  |  |  |  |  | **15%** |
| 4 | Các hình học cơ bản (Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác) | Tam giác, tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác.Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học. | TN6,7,8 |  |  |  |  | TL41đ |  | (TL6)1 đ | **27,5%** |
| 5 | Các hình khối trong thực tiễn  | Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. | TN 9, 11TN 10; 12 |  |  | TL51,5 đ |  |  |  |  | **25%** |
| **Tổng** | **10 câu****2,5đ** | **2 cau 1,5đ** | **2 câu****0,5 đ** | **2,5 đ** | **0** | **2đ** | **0** | **1đ** | **10đ** |
| **Tỉ lệ phần trăm**  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN TOÁN – LỚP 7**

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com**

| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Tỉ lệ thức và đại lượng tỉ lệ | Nhận biết:– Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức.– Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. ( Câu 1)Vận dụng:– Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. ( Bài 1)– Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...). | (TN1) |  | TL 11đ |  |
| 2 | 2a. Biểu thức đại số2b. Đa thức một biến | Nhận biết:– Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số.Vận dụng:– Tính được giá trị của một biểu thức đại số.**Nhận biết:**– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến. ( Câu 2); bài 2b– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến**Thông hiểu:**– Xác định được bậc của đa thức một biến. ( Câu 3); Bài 2a**Vận dụng:**– Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán | (TN2)TL 2b: 0,5đ | (TN3)TL2a:1đ |  |  |
| 3 | Làm quen với biến cố và xác suất của một biến cố | Nhận biết:– Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.(Câu 5) Bài 3Thông hiểu:– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (vd: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,).(Câu 4);  | TN5(TL3:1đ) | TN4 |  |  |
| 4 | 4a.Tam giác, tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác.4b. Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học. | Nhận biết:- Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.( Câu 6 xem lại)- Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.- Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc đường xiên. (Câu7) khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.- Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.- Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó.Thông hiểu:- Giải thích được định lý về tổng các góc trong một tam giác trong một tam giác bằng 1800.- Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).- Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.- Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau, hai góc đáy bằng nhau).**Vận dụng:**- Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác, …) ( Bài 4)- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.**Vận dụng cao:**- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học( Bài 6) | TN 6TN7TN 8 |  |  | TL61 đ |
| TL41 đ |
| 5 | 5a. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.5b. Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. | **Nhận biết:**- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.( Câu 9; 11)**Thông hiểu:**- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, …)( Bài 5)**Nhận biết:**- Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, …) ( Câu 10; 12)**Thông hiểu:**- Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.- Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,…)**Vận dụng:** - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  | TN9TN 11TN 10TN 12 | TL 51,5 đ |  |  |
|  | Tổng cộng |  | 12 câu 4 đ | 4 câu 3 đ | 2 câu 2 đ | 1 câu1 đ |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: TOÁN 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

**A.PHẦN TRẮC NGHIỆM** (3 điểm)

**Câu 1: (NB)** Nếu  (giả thiết các tỉ số đều có nghĩa). Ta suy ra dãy tỉ số nào sau đây là đúng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** .  |

**Câu 2:** **(NB)** Trong các biểu thức đại số sau, biểu thức nào là đa thức một biến.

**A.** ****.  **B.** x2 – 5x. **C. ** . **D.** x + **2y**

**Câu 3:** **(TH)** Bậc của đa thức f(x) = 6x4 + x3 – 6x4 – x2 + 1 là

 **A.**  4 **B.** 3 **C.** 6 **D.**  5

**Câu 4:** **(TH)** Gieo một con xúc xắc được chế tạo cân đối. Biến cố “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là 5” là biến cố

**A.** chắc chắn. **B.** không thể . **C.** ngẫu nhiên.

**Câu 5:** **(NB)** Chọn ngẫu nhiên 1 số trong 4 số sau: 7; 11; 26; 101. Xác xuất để chọn được số chia hết cho 2 là

**A.** 0. **B.** 1. **C.** . **D.** .

**Câu 6: (NB)** Cho ΔABC như hình 1, có AB < AC< BC. Trong các khẳng định sau, đâu là khẳng định đúng?

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .



 Hình 2

 Hình 1

**Câu 7: (NB)** Từ điểm A nằm ngoài đường thẳng a, ta kẻ đường vuông góc AH, đường xiên AB( H, B thuộc a) như hình 2. Kết luận nào sau đây là đúng.

**A.** AH >AB. **B.** AB > AH. **C. HB >AB**  **D.** AH=AB.

**Câu 8:** **(NB)** Ba đường trung tuyến AG, BH, CI của một tam giác cùng đi qua điểm O như hình vẽ sau. Kết luận nào sau đây là đúng.

 **A. OA=** AG. **B.**  **C.** . **D.** OA=OG.

**Câu 9: (NB)** Khẳng định nào sau đây là đúng: Sáu mặt của hình lập phương là :

**A.** 6 hình vuông bằng nhau .   **B.** 6 hình chữ nhật bằng nhau.

**C.** 6 hình tam giác đều. **D.** 6 hình bình hành bằng nhau.

**Câu 10:** **(NB)**  Trong các khẳng định sau, đâu là khẳng định đúng?Trong hình lăng trụ đứng tam giác (tứ giác) có:

**A.** Các mặt bên là những hình bình hành.    **B.** Hai mặt đáy vuông góc với nhau.

**C.** Các mặt bên là những hình thoi. **D.** Hai mặt đáy song song với nhau.

**Câu 11: (NB)** Hãy chọn phương án **đúng**. Hình hộp chữ nhật ABCD. MNPQ có:

**A.** 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh.

**B.** 6 đỉnh, 8 mặt, 12 cạnh.

**C.** 6 mặt, 8 cạnh, 8 đỉnh.

**D.** 8 mặt, 8 đỉnh, 8 cạnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 12:** **(NB)** Hình lăng trụ đứng tứ giác MNPQ.M’N’P’Q’ có số mặt bên là**A.** 2 mặt. **B.** 3 mặt **C.** 6 mặt. **D.** 4 mặt. | C:\Users\NGUYEN TRAN Computer\Desktop\Capture1.PNG |

**B. PHẦN TỰ LUẬN** (7 điểm)

**Bài 1:(VD)** (1 điểm) Tìm x, biết: 

**Bài 2:** (1,5 điểm) Cho đa thức 

 a) **(TH)** Thu gọn đa thức Q(x). ( 1 đ)

 b) **(NB)** Sắp xếp theo lũy thừa tăng dần của biến. ( 0,5 đ)

**Bài 3: (NB)** (1điểm) Chọn ngẫu nhiên một số trong bốn số 11;13;15 và 17. Tìm xác suất để:

a) Chọn được số chia hết cho 2

b) Chọn được số có hai chữ số

**Bài 4: (VD)** (1 điểm) Cho cân tại M . Kẻ NH MP , PK MN . NH và PK cắt nhau tại E. Chứng minh ENP cân.

**Bài 5:(TH)** (1,5 điểm) Một hộp sữa có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 20cm, chiều rộng 14cm và chiều cao15cm.

a. Tính thể tích của hộp sữa dạng hình hộp chữ nhật trên.

b. Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật trên.( bỏ qua các nếp dán)

**Bài 6:** **(VDC)** (1 điểm) Cho đa thức bậc hai P(x) = ax2 + bx + c. Trong đó: a, b và c là những số đã cho với a ≠ 0. Cho biết a + b + c = 0. Giải thích tại sao x = 1 là một nghiệm của P(x)

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN TOÁN – LỚP 7**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **ĐA** | B | A | B | C | D | C | B | B | A | D | A | D |

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

| **Bài** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| --- | --- | --- |
| **1** |  Vậy x = 2,5 |  **0,25** **0,5** **0,25** |
| **2** | b)Sắp xếp theo lũy thừa tăng dần của biến Q(x) |  **1,0** **0,5** |
| **3** | Chọn ngẫu nhiên một số trong bốn số 11;12;13 và 14.a) Xác suất để chọn được số chia hết cho 2 là **0**b) Xác suất để chọn được số có hai chữ số là **1** | **0,5****0,5** |
| **4** | Vẽ hình đúng  Xét NHP và PKN vuông tại H và K Có NP là cạnh chung Có  (Vì MNP cân tại M(gt)) => NHP = PKN (ch-gn) =>  => ENP cân tại E (đpcm) | **0,25****0,75** |
| **Bài 5** | a) Thể tích của hộp sữa dạng hình hộp chữ nhật là:V=20. 14 .15 = 4200 (cm3)b) Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: 2.14 . 15+ 2.20.15 = 420+600=1020 (cm2) |  **0,75** **0,75** |
| **Bài 6** | Thay x = 1 vào đa thức F(x), ta có:F(1) = a.12 + b.1 + c = a+ b + cMà a + b + c = 0Do đó, F(1) = 0. Như vậy x = 1 là một nghiệm của F(x) |  **1đ** |
| SẢN PHẨM CỦA CỘNG ĐÔNG GV TOÁN VNLIỆN HỆ: 0386536670GROUP FB: <https://www.facebook.com/groups/316695390526053/> |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

 |
| CHỈ CHIA SẺ VÀ HỖ TRỢ THẦY CÔ TRÊN FB NHƯ TRÊN , ZALO DUY NHẤT.Mọi hành vi kêu gọi mua bản quyền, mua chung, góp quỹ vào các group zalo đều là lừa đảo và chia sẻ trái phép sản phẩm của nhóm. |
| Có thể là hình ảnh về văn bản cho biết 'CỘNG ĐỒNG GIÁO VIÊN TOÁN THES VIỆTN TNA' |